

Quốc ngữ là chữ viết chung của dân chúng của nước. Thời Ngô Quyền lập quốc (939), các triều đình cũ quy định đã mượn chữ Nho (chữ Hán) để sử dụng trong hành chính, học thuật. Dù vậy, người Việt vẫn nói tiếng Việt, không công nhận chữ Nho là quốc ngữ, và tìm cách sáng tạo ra quốc ngữ cho riêng mình.

Đầu tiên, người Việt dựa trên chữ Nho để chữ ra chữ Nôm. Chữ Nôm được ghi nhận chính thức xuất hiện vào thế kỷ 13, khi Nguyễn Thuyên, lúc đó đang là hình bộ trưởng ng trưởng của Triều Trần Nhân Tông (trị vì 1279-1293), làm bài văn “Tứ cá sấu” bằng chữ Nôm. Vào thế kỷ này, chữ Nôm được xem là quốc ngữ bên cạnh chữ Nho, nên tiếp tục chữ Nôm của Chu Văn An (? - 1370) được ông gọi là Quốc ngữ thi pháp (Tiếp thu quốc ngữ).(1) Tuy nhiên, chữ Nôm chưa tồn tại trên căn bản chữ Nho, nên mượn học chữ Nôm thì phải biết chữ Nho tức chữ Hán.(2) Vì vậy chữ Nôm khó học, không phổ thông trong dân chúng, và ít được sử dụng.

Thời kỳ 17 trở đi, mặt chữ mới xuất hiện. Nhờ giáo dân, để sử dụng, sau ba trăm năm thử nghiệm, chữ này càng ngày càng trở nên phổ thông và biến thành quốc ngữ, mà ngày nay người Việt đang sử dụng.

I.- VÌ SAO XUẤT HIỆN QUỐC NGỮ

Thời kỳ 16, các giáo sĩ Ky-Tô Tây phương bắt đầu đến truyền giáo tại nước ta. Lúc đầu, các giáo sĩ thu thập nhiều quốc tịch khác nhau, theo các dòng tu khác nhau, thu thập nhiều giáo phận khác nhau, trong đó đông nhất là các giáo sĩ Dòng Tên.(3)

Khi đến Đàng Ngoài bắt đầu thuyền, các giáo sĩ đặt chân đầu tiên lên miền duyên hải. Muốn giảng đạo, các ông không đến rồi đi liền, mà ở lại sống chung dài hạn liên tục với dân chúng. Muốn thế đầu tiên các giáo sĩ phải học nói tiếng Việt để giao tiếp hàng ngày. Tiếp nói để hiểu được người Việt và làm sao nói cho người Việt hiểu được mình, các giáo sĩ mới có thể bắt đầu truyền đạo.

Khi truyền đạo, các giáo sĩ không phải chỉ nói, mà còn dùng kinh sách để giảng giải. Ngoài kinh sách bằng chữ la-tinh, các giáo sĩ có thể soạn có Thánh kinh bằng chữ Nho (chữ Hán) do các cố sĩ ở Ma Cao cung cấp. [Ma Cao (Trung Hoa) là nơi các dòng tu Ky-Tô giáo La Mã đặt trụ sở để truyền đạo vào Trung Hoa và qua Nhật Bản.] Tuy nhiên ít người trong dân chúng biết

chữ Nho, nhät là ä các vùng nông thôn vän nghèo khä, ít häc.

Vì vậy, đä truyän đäo cho ngä i Viät, các giáo sĩ phäi viät kinh sách bäng tiäng Viät. Häc nói thì không cän chä nghĩa, nhäng kinh sách thì phäi có chä nghĩa. Không thä dùng chä Nôm đä viät tiäng Viät, các giáo sĩ ký âm thäng tiäng Viät bäng mäu tä la-tinh, räi mäi dùng thä chä mäi ký âm näy đä viät sách giáo lý bäng tiäng Viät. Mäu tä la-tinh chä gäm 24 chä cái, có thä dùng đä läp ghép thành các täng trong tiäng Viät, nên thä chä mäi näy giän đä, đä häc, đä viät, đä sä đäng, đä truyän bá.

Tä đó, các giáo sĩ và nhäng ngä i Viät tân tông hoäc häc đäo väi các giáo sĩ, đã häp tác và täo nên mät thä chä mäi vào thäi đó, mà häc giä Pétrus Ký, täc Träng Vĩnh Ký gäi là “quäc ngä” trong mät bài viät trên Gia Đänh Báo ngày15-4-1867. (4)

II.- CÁC GIAI ĐOäN HÌNH THÀNH QUäC NGä

GIAI ĐOäN 1: NHU CäU TRUYäN ĐäO CäA CÁC GIÁO SĨ

Các giáo sĩ Ky-Tô La Mã đän Đäi Viät đä truyän đäo. Vì nhu cäu truyän đäo, các ông sáng chä chä quäc ngä chä đä làm phäng tiän phä biän räng rãi giáo lý đäo Ky-Tô, chä không nhäm mäc đích täo nên mät thä chä mäi cho dân Viät sä đäng.

Ngä i có công đäu trong viäc sáng chä quäc ngä là linh mäc Francesco de Pina (1585-1625), mät giáo sĩ Dòng Tên, ngä i Bä Đào Nha, đän Đäng Trong năm 1617, tä trän vì đäm thuyän vänh Đà Nẵng năm 1625. Ông là ngä i đäu tiên nói thäo và giäng đäo bäng tiäng Viät. Häp tác väi nhiäu ngä i, và đäc biät, nhä sä giúp đä cäa mät thanh niên Viät có tên đäo là Phê-rô, De Pina đã khäi thäo la-tinh hóa tiäng Viät, soän thäo mät bän văn phäm quäc ngä, đäch và soän sách giáo lý đäo Ky-Tô bäng tiäng Viät, mä träng däy tiäng Viät cho ngä i ngoäi quäc.(5a)

Năm 1618, linh mäc De Pina cùng väi Phê-rô đäch qua tiäng Viät län đäu tiên Kinh läy Cha và các kinh căn bän khác trong Ky-Tô giáo La Mã, (5b) có thä xem là khäi đäu cho viäc sä thäo quäc ngä. Theo läi linh mäc De Pina, năm 1622, ông hoàn tät hä thäng chuyän mäu tä la-tinh thích häp väi cách phát âm và thanh đäu tiäng Viät.(5c) Rät tiäc giai đäon näy chäa đäc

ngiên c u đ y đ . B n Kinh y Cha đ c vi t tay năm 1632 còn đ c nguyên b n nh sau:
(5d)

Trong s các h c viên tr ng ti ng Vi t c a De Pina, có m t ng i v sau n i ti ng là Alexandre de Rhodes (1593-1660). Giáo sĩ De Rhodes đ n H i An năm 1624. Ngoài De Pina, De Rhodes còn h c ti ng Vi t v i nhi u ng i đ a ph ng, trong đó có m t thi u niên 13 tu i H i An, sau De Rhodes nh n làm con nuôi, và ng i n y tr thành th y gi ng Raphael Rhodes. Năm 1645, A. de Rhodes b tr c xu t ra kh i Đàng Trong, v Ma Cao.

Alexandre de Rhodes qua La Mã năm 1650. Năm 1651, t i La Mã, ông đ ng tên tác gi , n hành hai b sách. Th nh t là Catechismus pro ijs, qui volunt suscipere Baptismum, in octo dies divisua (Giáo lý dành cho nh ng ai mu n ch u Phép R a, chia ra tám ngày).(6) Th hai là Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum (T đ i n Vi t - B - La).(7)

Vì Alexandre de Rhodes g c Pháp, nên ng i Pháp đã ca t ng ông nh là nhà sáng ch ch qu c ng , đ k công “khai hóa” c a th c dân Pháp. Th t ra, ng i đ u tiên sáng ch ch Qu c ng là linh m c Francesco de Pina, r i đ n nhi u giáo sĩ khác, tr c khi De Rhodes đ n Đ i Vi t. Trong l i “Cùng đ c gi ” vào đ u quy n t đ i n năm 1651, A. de Rhodes cũng xác nh n:

“Tôi cũng s đ ng nh ng công trình c a nhi u cha khác cùng m t H i Dòng, nh t là c a cha Gaspar de Amaral và cha Antonio Barbosa, c hai ông đ u đã biên so n m i ông m t cu n t đ i n: ông tr c b t đ u b ng ti ng An nam, ông sau b ng ti ng B Đ ào Nha, nh ng c hai ông đ u đã ch t s m. S đ ng công khó c a hai ông, tôi còn thêm ti ng La-tin theo l nh c a các h ng y r t đáng tôn kính...”(8)

Nói cho cùng, s hình thành qu c ng không ph i do công s c cá nhân c a m t giáo sĩ, mà là công s c t p th c a nhi u giáo sĩ thu c nhi u n c khác nhau, nhi u th h khác nhau, đã đ n truy n đ o Ky-Tô t i Đ i Vi t, c ng v i s đóng góp l n lao âm th m c a r t nhi u giáo sĩ và th ng dân Vi t.

T đây qu c ng đ c s đ ng càng ngày càng r ng rãi trong các giáo đ ng, các tu vi n Ky-Tô giáo Đ i Vi t. M t s giáo sĩ Vi t b t đ u dùng qu c ng đ vi t th , k c th cho nh ng giáo sĩ n c ngoài. Hai quy n t đ i n khác đ c so n th o là Dictionarium Annamitico Latinum [T đ i n Vi t - La tinh] c a giám m c Pigneau de Béhaine (Bá Đa L c, 1741-1799), c v n c a

Nguy n Phúc Ánh, so n xong năm 1772, và Dictionnarium Annamitico Latinum (Nam Vi t D ng Hi p t v) c a Jean Louis Taberd (1794-1840).

B t đi n c a giám m c Bá Đa L c còn d ng b n th o, và giám m c Taberd d a trên b n th o n y, đ so n b sách c a ông và xu t b n n Đ năm 1838 khi ông hành đ o t i n c n y.(9)

Khi đô đ c Rigault de Genouilly đánh chi m thành Gia Đ nh vào tháng 2-1859, ông th y r ng các giáo sĩ Ky-Tô La Mã đã thành l p đ đây m t tr ng h c l y tên là “Collège d’Adran”.(10) T i tr ng n y, h c sinh đ c h c ch la-tinh, qu c ng và m t ít ch Pháp.(11)

GIAI Đ O N 2: NHU C U CAI TR C A NG I PHÁP

Khi chi m Gia Đ nh, vì nhu c u cai tr , phó đô đ c Léonard Charner đ a ra ngh đ nh ngày 21- 9-1861, dùng tr ng s Collège d’Adran, thành l p Tr ng thông ngôn v i danh hi u đ y đ là “Collège Annamite-Franç ais de Monseigneur l’Évêque d’Adran”.(12) Tr ng thông ngôn ch ng nh ng đ y ng i Vi t h c ch Pháp đ làm thông ngôn, mà còn đ y ng i Pháp h c ti ng Vi t b ng th ch m i.

Léonard Charner cho m ngay nhà in và phát hành báo Le Bulletin Officiel de l’Expédition de la Cochinchine (Công báo c a đoàn Vi n chinh Nam K) b ng ch Pháp, xu t b n s đ u tiên ngày 29-9-1861. Khi Louis Bonard đ n thay Charner ngày 29-11-1861, Bonard cho phát hành báo Le Bulletin Des Communes có ph n ch Nho đ ph bi n r ng rãi tin t c n i ng i Vi t và ng i Hoa lúc đó khá đông ở Gia Đ nh. Bonard đ tính n hành m t t báo ti ng Vi t. Tuy nhiên ch Vi t theo m u t la-tinh có nhi u đ u (huy n, s c, n ng, h i, ngã...), nên ph i đ t ch cái đ s p ch in, đúc ở Pháp, m t hai năm m i xong (1864). Nh v y ngày 15-4-1865, t báo ti ng Vi t b ng th ch m i, phiên âm theo m u t la-tinh, l n đ u tiên đ đ c phát hành t i Sài Gòn là Gia Đ nh Báo.(13) Trên Gia Đ nh Báo s 4, ngày 15-4-1867, Pétrus Ký (1837-1898) đã vi t m t bài khuy n khích vi c h c th ch m i, trong đó có đ o n nh sau:

“...Th y Ký đ y h c có làm sách m o [văn ph m] đ y ti ng Lang Sa [Pháp], có làm ra ch qu c ng [sic] đ ng i ta đ h c. Nh ng ng i ký l c [th ký] gi i cùng siêng năng s lo mà h c ch qu c ng vì có hai m i b n ch và vi t đ ng muôn ngàn chuy n, ch chi m c r [khó đ] cũng vi t đ ng, không ph i nh ch Tàu h c già đ i mà còn có ch l vi t không ra, đ đây có Ph

T n g [T n Th T n g] đ h c đ n g ch qu c ng , vi t đ n g, đ c đ n g. Ch y ch n g khó đ u, ra công h c m t đ i th ng thì thu c h t..."(14)

Danh t "qu c ng" có th xu t hi n tr c đ ó trong gi i Ky-Tô giáo, nh ng nay m i đ c Pétrus Ký chính th c "khai sinh" trên Gia Đ nh Báo ngày 15-4-1867. Qu c ng lên báo chí, dù lúc đ u ch đ thông tin, cũng có nghĩa là lo i ch n y đã khá đ y đ đ di n đ t ch tr n g c a nhà c m quy n Pháp, và b t đ u tr nên ph thông, đ u ch a đ c chính th c áp đ n g trong hành chánh. [V sau, khi qu c ng tr thành ch vi t chính th c c a ng i Vi t, danh t "qu c ng" đ n đ n bi n m t. Ngày nay ng i ta không g i "qu c ng", mà ch g i là "Vi t ng"].

M t chi ti t đ ng chú ý là ngành in n theo cách l p ch ki u Tây ph n g,(15) gi n đ , nhanh chóng, và ti n l i h n r t nhi u so v i cách kh c b n g (m c b n) ch Nho theo ki u x a c a Vi t Nam. In m c b n, ph i kh c t n g ch Nho chung trong toàn bài văn trên m t b n g . In xong, b n g đ ó không dùng đ in sách khác mà ph i kh c sách khác t đ u.

S phát tri n ngành in đ y m nh vi c n hành sách báo, t đ ó làm cho qu c ng đ c truy n bá nhanh chóng vì ng i ta có th h c v n qu c ng b n g sách báo, đ n g th i làm bùng n n n văn h c qu c ng .

Trong khi đó, khoa thi h n g (Nho h c) năm 1861 (tân đ u) cho toàn th Nam K l c t nh t i Gia Đ nh b b i vì tình hình bi n đ n g. Gia Đ nh m t năm 1862 nên khoa thi h n g năm 1864 (giáp tý) Nam K đ c t ch c t i C n Th (huy n Vĩnh Đ nh, t nh An Giang).(16) Sau đó, Pháp chi m toàn b Nam K năm 1867, nên các k thi Nho h c trong Nam hoàn toàn b b i .

GIAI Đ O N 3: CH VI T CHÍNH TH C

T i Nam K : Toàn b Nam K tr thành thu c đ a Pháp t sau hòa c c Giáp Tu t (18-3-1874). T i đây, qu c ng ti n thêm m t b c khá dài n a, khi phó đ đ c H i quân Pháp là Louis Lafont, th n g đ c Nam K , ban hành ngh đ nh ngày 6-4-1878, theo đó k t 1-1-1882, Nam K , t t c các gi y t nh công văn, ngh đ nh, quy t đ nh, b n án, l nh... đ u vi t b n g m u t la-tinh, t c ch Pháp hay Qu c ng , ch không còn vi t b n g ch Nho; và cũng t 1-1-1882, ch nh ng ng i bi t qu c ng m i đ c tuy n đ n g vào các c quan hành chánh c p ph , huy n, t n g.(17)

Ngày ban hành và ngày thi hành ngh đ nh n y cách nhau g n 4 năm, nghĩa là kho ng th i gian c n thi t đ t ch c giáo d c, chuy n đ i t vi c h c ch Nho qua vi c h c qu c ng . Ngày 17-3-1879, Pháp thành l p S Giáo d c công c ng (Service de l'instruction publique) ở Sài Gòn và đ a ra ch ng trình giáo d c Pháp-Vi t b c ti u h c, g m có 6 năm h c; theo đó trong ba năm đ u, h c sinh ph i h c ba th ch là ch Nho, qu c ng và ch Pháp; đ n ba năm sau, h c sinh ch còn h c qu c ng và ch Pháp.(18)

Nói cách khác, t i Nam K , bên c nh ch Pháp, t đây qu c ng tr thành ch vi t chính th c đ c s d ng trong các tr ng h c, s làm, và báo chí. M t công trình qu c ng quan tr ng đ u tiên do m t th ng dân ng i Vi t biên so n ch không ph i giáo sĩ n c ngoài, là b Đ i Nam qu c âm t v c a Paulus Hu nh T nh C a. B sách n y g m hai quy n, phát hành liên ti p hai năm 1895 và 1896 t i Sài Gòn.

T i Trung và B c K : Pháp b o h Trung và B c k b ng hòa c Giáp Thân (6-6-1884). Nh ng tr ng trung h c đ u tiên Pháp m ở Trung và B c K nh tr ng Qu c H c Hu (khai gi ng ngày 26-12-1896), tr ng Collège des interprètes (Tr ng Thông ngôn, m năm 1904)... đ u d y b ng ti ng Pháp và ch ng trình Pháp cho h c sinh Vi t. Tri u đình Vi t Nam v n ti p t c m nh ng khoa thi Nho h c (thi h ng và thi h i) theo đ nh k 4 năm m t l n nh tr c đây.

Riêng ở B c K , toàn quy n Đông D ng ban hành ngh đ nh ngày 6-6-1898 (niên hi u Thành Thái th 10), t ch c m t k thi ph sau k thi h ng truy n th ng t i Nam Đ nh. Môn thi g m ti ng Pháp và qu c ng , không có ch Nho. Nh ng ng i đ u c nhân hay tú tài Nho h c trong k thi h ng, n u đ u luôn k thi ph , s đ c u tiên ch n ra làm quan.(19)

Ch tr ng “h p tác” và m cu c “chinh ph c tinh th n” khi đ n làm toàn quy n Đông D ng t 1902 đ n 1908, Paul Beau cho gi ng d y qu c ng ở các tr ng Trung và B c K . H c ch năm 1906 (do quy n toàn quy n Broni chu n y) quy đ nh các tr ng h c Vi t Nam g m ba c p u h c, ti u h c và trung h c. Qu c ng đ c d y ở c ba c p. Ai đ u k thi cu i khóa c p trung h c, đ c g i là thí sinh và s đ c d k thi h ng.(20)

Trong khi đó, các nhà khoa b ng c u h c nh Phan Châu Trinh, Tr n Quý Cáp, Hu nh Thúc Kháng, k t h p v i nh ng trí th c c p ti n lúc đó, m phong trào Duy tân, v n đ ng c i cách văn hóa, chính tr trên toàn qu c, kêu g i bãi b Nho h c, c xúy vi c h c qu c ng đ nâng

cao dân trí, vì m t lý do đ n gi n: qu c ng đ h c, đ vi t, đ ph c p h n ch Nho. Các ông v n đ ng m tr ng đ y qu c ng kh p n c, r m r nh t là Qu ng Nam (1905), Bình Thu n (tr ng D c Thanh, 1907) và Hà N i (Đông Kinh Nghĩa Th c, 1907). Trong m t bài th khuy n khích vi c h c qu c ng c a Đông Kinh Nghĩa Th c, có đ n vi t:

“... Ch qu c ng là h n trong n c,

Ph i đ m ra t nh tr c dân ta,

Sách các n c, sách Chi-na,

Ch nào nghĩa y, đ ch ra cho t ng...”(21)

T n năm 1909, qu c ng đ c đ a vào ch ng trình thi h ng trên toàn Trung và B c K . Trong 4 k (tr ng) thi h ng,(22) đ n k th 3 (tr ng 3), thí sinh b t bu c ph i làm 2 đ thi lu n: m t đ ch Nho và m t đ qu c ng. Qua k thi h ng năm 1912, đ thi k 3 (tr ng 3) g m hai đ qu c ng, và k 4 (tr ng t) m t đ qu c ng. Đ n k thi h ng cu i cùng năm 1918 ở Trung K , t k 2 (tr ng nhì) đ n k 4 (tr ng t) đ u có đ thi qu c ng.(23)

Toàn quy n Albert Sarraut (l n th hai t 1917-1919) ra ngh đ nh 21-12-1917 v Quy ch chung v ngành giáo d c công c ng ở Đông D ng (Règlement général de l’instruction publique en Indochine), th ng đ c g i là “H c chánh t ng quy”, áp đ ng cho toàn cõi Đông D ng đ thay th cho h c ch th i Paul Beau.

Theo t ng quy m i, trong 5 năm b c ti u h c, thì 3 năm đ u, h c sinh h c các môn b ng qu c ng và ch Pháp, ch Nho không b t bu c; hai năm cu i b t bu c h c các môn b ng ch Pháp. Riêng 4 năm b c trung h c, m i tu n ch có 3 gi qu c văn trong t ng s 27 gi h c m i tu n. Đ i c bi t, ph n cu i t ng quy n y đ nh r ng các tr ng ch Nho c a t nhân hay c a tri u đ i nh, k c qu c t giám, đ u đ c x p vào lo i tr ng t và ph i tuân theo quy ch c a chính quy n Pháp.(24) Nói cách khác, t ng quy n y đ p b luôn ch ng trình Nho h c. Chính vì v y, sau khoa thi h ong năm 1915, ở B c K (vùng b o h tr c ti p) không t ch c thi Nho h c n a, trong khi ở Trung K (vùng b o h gián ti p), khoa thi h ong cu i cùng năm 1918 và thi h i cu i

cùng năm 1919.

Ba gi qu c vẫn quá ít. D lu n ng i Vi t ph n ng. B y năm sau, toàn quy n Martial Merlin (t 1923-1925) công b ngh đ nh ngày 18-9-1924, s a đ i l i h c chánh t ng quy c a Sarraut. Theo h c ch m i, trong ba năm đ u c a b c ti u h c, d y hoàn toàn b ng qu c ng thay vì ch Pháp hay ch Nho,(25) nh ng các l p sau đó d y b ng ch Pháp. Vi c ph c p giáo d c ti u h c cho tr em b ng qu c ng , giúp cho h c sinh Vi t căn b n qu c ng trong đ i s ng hàng ngày. Nh th h c quy Martial Merlin công nh n t đây qu c ng là ch vi t chính th c c a ng i Vi t Nam.

Qu c ng càng ngày càng ph thông, giúp dân chúng nh ng hi u bi t s đ ng c n thi t trong đ i s ng, nh t là v ph ng đ i n chính tr . T năm 1925 tr đi, nhi u đ ng phái ch ng Pháp đ c thành l p, vi t truy n đ n, l i kêu g i, sáng tác th văn yêu n c... đ u b ng qu c ng .

K T LU N

S h ình thành qu c ng ti n tri n qua ba giai đ o n: 1) Do nhu c u truy n đ o, các giáo sĩ Tây ph ng dùng m u t la-tinh phiên âm thi ng Vi t và s đ ng th ch m i trong khuôn viên giáo đ ng. 2) Do nhu c u cai tr n c ta, Pháp ng đ ng th ch m i n y trong qu n chúng. 3) Do nhu c u ph c p giáo d c căn b n cho tr em Vi t Nam, Pháp đ a qu c ng vào ch ng trình ti u h c t năm 1924. Qu c ng đ c chính th c công nh n là ch vi t c a ng i Vi t.

C n chú ý là tr c khi đ c tr ng đ ng, qu c ng cũng đã g p m t s ph n đ i v phía ng i Vi t cũng nh v phía ng i Pháp. Nam K , m t s ng i Vi t cho r ng qu c ng phiên âm quá nhi u ch Nho mà n u không h c tr c nh ng ch Nho n y thì không hi u gì c . M t s ng i Pháp mu n truy n bá văn hóa Pháp, thì cho r ng qu c ng đ c ch ra t ch B Đào Nha, không th dùng đ đ c ch Pháp và có th gây c n tr vi c h c ch Pháp. Ngày 10-12-1885, báo Le Saigonnais [Ng i Sài Gòn] đ ng m t ki n ngh c a thân hào b n x xin H i đ ng Thu c đ a can thi p đ tri t b qu c ng vì th ch n y vô lý, gi t o.(26a)

T i tri u đình Hu , th ng th b H c là Cao Xuân D c h t s c bài bác qu c ng , mà theo ông là th ch do Tây [Pháp] đ m l i.(26b) M t s nhà Nho cho r ng cách vi t qu c ng theo m u t la-tinh c t đ t ti ng Vi t v i ngu n g c Hán t , thi u ý nh , không có ý nghĩa t ng h ình.(27c)

Ngày nay, có ng i còn cho r ng s thay đ i ch vi t t ch Nho qua qu c ng , khi n ng i Vi t l c m t c i ngu n văn hóa dân t c c truy n.

Th t ra, trong ti n trình hình thành qu c ng , không th đòi h i qu c ng ph i toàn thi n ngay t đ u, mà c n có th i gian đ đ i u ch nh và hoàn thi n đ n đ n. Ngay nh ng th ch nh ch Pháp hay ch Anh, ngày nay hàng năm cũng có c hàng ngàn ch m i đ c b túc vào kho tàng ngôn ng c a các n c n y.

Trong khi đó, qu c ng giúp ph bi n r ng rãi văn hóa và nâng cao trình đ hi u bi t v m i m t cho toàn th dân chúng, giúp ng i Vi t đ thích ng và nhanh chóng b t k p ti n b khoa h c trên th gi i. Nh th , ngày nay ng i Vi t ti p thu và h i nh p đ dàng vào h th ng đ i n toán th i đ i m i.

Tr c đây Nho giáo là m t tri t thuy t chính tr h u thu n cho ch đ quân ch . Các ch đ quân ch Vi t Nam ng đ ng văn hóa Nho giáo đ n đ nh xã h i và c ng c ch đ , khi n tinh th n sĩ phu l thu c ch ng nh ng Nho giáo mà c văn hóa Trung Hoa. Vi c bãi b Nho h c và thay đ i ch vi t t ch Nho (Hán t) qua qu c ng , ch m đ t v i n giai đ o n l thu c Nho h c và văn hóa Trung Hoa, đ ng th i m ra m t chân tr i m i có tính cách toàn c u tr c m t ng i Vi t.

Nhi u nhà Nho đ i ch đ quân ch , đ m mình lâu đ i trong văn hóa Trung Hoa, l m t ng r ng văn hóa Trung Hoa là văn hóa dân t c, và nh ng anh hùng li t n Trung Hoa là khuôn vàng th c ng c cho xã h i Vi t. Các tác gi ch Nho th i tr c th ng dùng đ i n tích v nh ng vua quan, anh hùng, th n thánh, phong t c, t p quán Trung Hoa đ làm m u m c cho ng i Vi t.

Khi s đ ng qu c ng , b c ra kh i văn hóa Trung Hoa, nhi u ng i m i tìm tr l i b n s c văn hóa dân t c. T đây, càng ngày n n văn hóa dân t c càng đ c đ cao. Trong n n văn h c qu c ng , Hai Bà Tr ng, Tr i u N V ng, Ngô Quy n, Tr n H ng Đ o, Tr n Bình Tr ng, Lê L i, Quang Trung... m i là nh ng anh hùng đ i ch th c, nh ng t m g ng sáng c a ng i Vi t.

Cu i cùng, các th i đ i m l ch s cho th y: Sau năm 1919, ch m đ t Nho h c. Nhà c m quy n Pháp m tr ng Pháp, nh ng r t h n ch . Năm 1924, h c ch Martial Merlin quy đ nh đ y qu c ng b c ti u h c, nh ng b c trung h c v n đ y Pháp văn. Năm 1942, Hoàng Xuân Hãn

xu t b n sách Danh t khoa h c, mà theo ông, sách h t ngay sau m y tháng phát hành. Vua B o Đ i công b b n Tuyên ngôn đ c l p ngày 11-3-1945 b ng qu c ng .(27) Nhà vua ban hành d s 67 ngày 30-7-1945 quy đ nh t h c khóa 1945-1946, b c trung h c Vi t Nam d y b ng qu c ng . B Giáo D c - M Thu t do Hoàng Xuân Hãn làm b tr ng, đã đ a ra “Ch ng trình trung h c” hoàn toàn b ng qu c ng , trong khi Pháp vẫn cũng nh Anh vẫn đ c x p vào môn sinh ng , Hán vẫn là môn c ng .(28) Ch ng trình n y làm căn b n cho các ch ng trình trung h c v sau.

Nh th ngay t đ u, qu c ng cho th y s c s ng m nh m , phát tri n r t nhanh, và chóng tr n nên ph thông, đ ng th i h a h n nhi u t ng lai sáng s a, nh nhà văn Nguy n Văn Vĩnh đã tin t ng: “N c Nam ta mai sau này, hay d cũng c ch qu c ng .”(29)

Trong khi đó, s xu t hi n c a qu c ng đ a đ n s hình thành n n văn h c qu c ng . Trên toàn cõi n c ta, n n văn h c qu c ng phát tri n s m nh t t i Nam K vì m t lý do đ n gi n là t i Nam K , Nho h c đ c b i b s m nh t, qu c ng đ c s d ng s m nh t và ngành in n phát tri n s m nh t.(30) N n văn h c qu c ng đa d ng, phong phú và ph thông, phát tri n nhanh chóng, càng làm tăng giá tr c a công trình sáng t o qu c ng .

TR N GIA PH NG

(Trình bày t i Vi n Vi t H c, California, 6-7-2008)

CHÚ THÍCH

1. D ng Qu ng Hàm, Vi t-Nam văn-h c s -y u, in l n th b y, B Qu c Gia Giáo D c, Sài Gòn, 1960, tr. 106.

2. “Ch Nôm là th ch ho c dùng nguyên hình ch Nho, ho c l y hai ba ch Nho ghép l i đ vi t ti ng [Vi t] Nam ” (D ng Qu ng Hàm, sđd. tr. 100.) Ho c “ch Nôm đ c c u t o trên c s ch Hán Vi t, t c ch Hán đ c theo âm hán-vi t”. (Đào Duy Anh, Ch Nôm, Ngu n g c, C u t o, Di n ti n, Hà N i: Nxb. Khoa h c Xã h i, 1973, tr. 51.) Do đó, mu n h c ch Nôm thì ph i bi t ch Hán t c ch Nho, và nh th h c ch Nôm cũng khó không kém gì h c ch Nho, n u

không muốn nói là khó học. Có thể vì chữ Nôm khó học, khó viết, nên có hai hệ quy: Thứ nhất chữ Nôm chữ phát triển trong giới sĩ phu, trí thức, văn thi sĩ ngày xưa mà thôi. Nhờ người này vốn đã giỏi chữ Nho, nên học được chữ Nôm, chữ Nôm ít phổ biến rồi ngấm dần dần. Có thể nói, trong lịch sử văn học, chữ có mặt nhân vật nào giỏi chữ Nôm mà không biết chữ Nho. Thứ hai, vì ít được sử dụng và nhất là không được chính thức sử dụng, nên lối viết chữ Nôm không ổn định. Mọi điều phụ thuộc dựa theo chữ Nho mà ghép lại thành chữ Nôm dựa vào phụ âm, nên chữ Nôm không thống nhất trên toàn quốc.

3. Dòng Tên (Society of Jesus): Do tu sĩ Ignatius Loyola (1491-1556), người Tây Ban Nha, lập năm 1539, nhằm bảo vệ tính chính thống của giáo quyền La Mã và hỗ trợ công việc truyền giáo ra các nước trên thế giới. Hiệp hội này được Paul III (giáo hoàng 1534-1549) thừa nhận. Vì tập thể các kä hä cä a ngä i Viät, tín đồ ngày xưa kä hä cä a ngä i Chúa Jesus, nên chữ gọi hiệp hội này là dòng Tên tức "dòng đạo mang tên Chúa Jesus". Năm 1541, Ignatius được bổ nhiệm làm tổng trưởng dòng Tên đầu tiên. Sau khi từ trần, Ignatius được giáo hoàng Gregory XV (giáo nhiệm 1621-1623) phong thánh năm 1622. Lúc này, ở Đông Á, Dòng Tên đặt trụ sở chính tại Ma Cao (Trung Hoa). Từ đó, các tu sĩ Dòng Tên truyền qua Nhật Bản và lui tới Việt Nam. [Về việc người Tây phương và các giáo sĩ đạo Ky-Tô La Mã đến nước ta, xin xem chương "Người Âu Châu đến Đất Việt", Việt sử địa phương tập 2, cùng tác giả, tt. 117-160.]

4. Phạm Thế Ngũ, Việt Nam văn học sử giản yếu tân biên, quyển 3, Văn học hiện đại (1862-1945), California: Nhà Đä i Nam tái bản không định năm, tr. 67.

5. Roland Jacques, Các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha và thời kỳ đầu của Giáo hội Công giáo Việt Nam [song ngữ Việt Pháp], tập 1, Paris: Nhà Học thuật Tùng Thư, 2004, tt. 81-89 (5a), 223-225 (5b), 85 (5c), tr. 375 (5d). Các bản văn Kinh lý Cha đầu trích từ sách này.

6. Trong Việt-Nam văn-học sử yếu của Dòng họ Quốc ngữ Hàm, sđd. chương 18, thiên 5, năm thành lập ban Trung học, tr. 181, có trích đăng một phần của sách này. Điều này đã phép giảng tám ngày. Ngoài ra, sách Giáo lý dành cho người không biết chữ, chia ra tám ngày để học in là: Phép giảng tám ngày - Catechismus in octo dies divisus - Catéchisme divisé en huit jours, là của của Nguyễn Khắc Xuyên, André Marillier ghi lại theo chính thể ngày nay, Henri Chappoulié dịch qua tiếng Pháp, TpHCM: Tủ sách Đä i Kät, 1993. (Theo Roland Jacques, sđd. tr. 199, phần chú thích.)

7. Sách này được in là: Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum, Thanh Lăng, Hoàng

Xuân Vi t, Đ Quang Chính d ch, T đ n Annam - Lusitan - La Tinh (th ng g i là t đ n Vi t-B -La), Hà N i: Nxb Khoa h c Xã h i, 1991.

8. Alexandre de Rhodes, Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum, b n in năm 1991, tr. 3.

9. (tìm ch Taberd).

10. Adran là t c hi u tông tòa c a giám m c Pigneau de Béhaine (Bá Đa L c). V giám m c n y, xin xem Vi t s đ i c ng t p 2, các ch ng “Ng i Âu Châu đ n Đ i Vi t” và “Đ t n c th ng nh t”.

11. John DeFrancis, Colonialism and Language Policy in Vietnam, New York: Moulton Publishers, 1977, tr. 75. DeFrancis theo tin c a báo Courier de Saigon ngày 10-2-1864 và DeFrancis cho bi t chi ti t n y ông y t bài “Le français, le quoc-ngu, et l’enseignement public en Indochine” c a E. Roucoules, trong Bulletin de la Société des études Indochinoises, s 1 năm 1890.

12. John DeFrancis, sđd. tr. 76. Theo Alfred Schreiner, Abrégé de l’histoire d’Annam, Deuxième édition, Sai Gòn: 1906, tt. 200-201, thì Charner m cùng m t lúc hai tr ng: tr ng thông ngôn d y ti ng Vi t cho quan ch c Pháp và tr ng Pháp mang tên Adran (Bá Đa L c) cho tr em Vi t. Có th vì vi c Charner dùng tr s Collège d’Adran m tr ng thông ngôn nên có s l m n n y chng?

13. Th ngày 9-5-1865 c a quy n th ng đ c Nam K là Pierre-Gustave Roze (th ng đ c De la Grandière v Pháp t 30-3-1865 đ n 26-11-1865), g i cho b tr ng b H i quân và Thu c đ a Pháp. (Đ ng Văn Nhâm, L ch s báo chí Vi t Nam, California, Nxb. Vi t Nam Văn Hi n, 1999, tr. 39.) Ông Đ ng Văn Nhâm trích d ch nh sau: “S đ u tiên c a t Gia Đ nh Báo đ c in b ng ch An Nam, theo m u t La-tinh, phát hành vào ngày 15 tháng 4 v a qua...”

14. Phạm Thế Ngũ, sđd. tr. 67.

15. Cách in chữ Nho ngày trước là khäc täng chä Nho trong nguyên bài vào bän gä (mäc bän), dùng đä in, räi không dùng cho bài khác đäc. Cách in mới của giai đän näy là ngäi thä dùng 24 chä cái trong mäu tä la-tinh; läp räp chä cái väi nhau thành chä; ghép các chä thành bän in. In xong, rä bän in cũ, dùng läp mới chä in khác.

16. Cao Xuân Däc, Quốc triäu häng khoa läc, bän đäch. của Nguyän Thä Nga và Nguyän Thä Lâm, Nxb. TpHCM, 1993, tr. 371. Alfred Schreiner, sđd. tr. 340.

17. Alfred Schreiner, sđd. tr. 340.

18. Däng Kinh Quốc, Việt Nam: Nhäng sä kiän läch sä (1858-1918), Hà Nội: Nxb Giáo Däc, 1999, tr. 109.

19. Emmanuel Poisson, Mandarins et subalternes au nord du Việt Nam, une bureaucratie à l'épreuve (1820-1918), Paris: Maisonneuve & Larose, 2004, tt. 193-194. Cũng theo tài liệu này, các môn thi trong kỳ thi phụ như sau: 1) Việt lập chế Pháp (hä số 3). 2) Chính tả chế Pháp (HS 5). 3) Dịch chế Pháp qua quốc ngữ (HS 5) 4) Đàm thoại tiếng Pháp (HS 5) 5) Đäc và đäch miêu tả chế mät bài tiếng Pháp (HS 5) 6) Chính tả quốc ngữ (HS 3) 7) Dịch mät bài chế Nho qua quốc ngữ (HS 4). Điểm cho trên 20. Thí sinh phải đä täi thiäu 360 đäm trên 600 đäm thì mới đäc äu tiên chế n ra làm quan. Nhäng ngäi đäu cä nhân phải hän nhäng ngäi đäu tú tài 50 đäm. [Hä số (coefficient) : Các môn thi đäc xem quan trọng như hay ít khác nhau, nên có hä số län nhä khác nhau. Ví dụ môn việt lập chế Pháp hä số 3; môn chính tả Pháp hä số 5. Mỗi môn thi đäc cho đäm täi đa là 20. Điểm mới môn nhân lên với hä số môn đó, räi cộng tổng thành điểm cuối cùng. Ví dụ tiếng chế hä số 7 môn thi trong kỳ thi phụ trên đây là 30. Điểm täi đa mới môn thi là 20 đäm, vậy 20 X 30 = 600 đäm (đäm täi đa). Luật thi quy đänh thí sinh phải đäc 360 / 600 mới đäc äu tiên chế n ra làm quan.] Xin xem thêm phần tài liệu phía dưới.

20. Louis Cury, La société annamite, les lettrés - les mandarins - le peuple (Thèse pour le doctorat), Paris: Jouve et Cie, Éditeurs, 1910, tt. 24-33. (Nghä đänh do quyän toàn quyän Broni

ký ngày 14-9-1906).

21. Phạm Văn Sơn, Việt sử tân biên, quyển V - Tập trung, Việt Nam Cách mạng cận sử (1885-1914), Sài Gòn: 1963, tr. 393.

22. Thông th ng, khóa thi h ng có 4 giai đo n, th ng g i là 4 k hay 4 tr ng. Đ u k 1 (tr ng nh t) m i đ c thi k 2 (tr ng hai hay tr ng nhì). Đ u k 2 m i đ c thì k 3 (tr ng ba). Đ u tr ng 3 m i đ c thi k 4 (tr ng t). Đ u k 4 (tr ng t) đ c g i là c nhân. Đ y k 3 (tr ng ba) h ng k 4 g i là tú tài.

23. Cao Xuân D c, sđd. tt. 611, 629, 645, 659.

24. D ng Kinh Qu c, sđd. tt. 375-378.

25. H c vi n Qu c gia Ngôn ng và Văn minh Đông ph ng Paris, Khoa Đông Nam Á, Trung tâm Tài li u và Nghiên c u v Đông Nam Á, Ban Việt h c, ph n Chronologie Vietnamienne, Éléments pour “La mémoire de Phạm Quỳnh 1892-1945” [Biên niên Việt Nam, góp ph n t ng nh Phạm Quỳnh 1892-1945]. Xem thêm: Nguyễn Q. Th ng, Khoa c và giáo d c Việt Nam, Hà Nội: Nxb. Văn Hóa - Thông Tin, 1993, tr. 304.

26. Phạm Th Ngũ, sđd. tr. 67 (26a), tr. 116 (26b), tr. 63 (26c).

27. Đi m đ c bi t là chi u x ng đ c a vua Gia Long (tr vì 1802-1820) ngày 12 tháng 5 năm bính d n (28-6-1806) b ng ch Nho. Tuyên cáo đ c l p c a vua B o Đ i b ng qu c ng .

28. Sách Danh t khoa h c và Ch ng trình trung h c năm 1945 do b Giáo D c-M Thu t đ a

Chức Quê c Ng

Tác Giả: Tr n Gia Ph ng

Thứ Hai, 29 Tháng 12 Năm 2008 07:15

ra, th ng đ c g i là ch ng trình Hoàng Xuân Hãn, đ c đăng l i trong sách La S n Yên H Hoàng Xuân Hãn, t p I: Con ng i và tr c tác, Hà N i: Nxb. Giáo D c, 1998, tt. 519-850.

29. Nguy n Văn Vĩnh vi t câu n y trong bài t a b n đ ch b Tam qu c chí di n nghĩa do Phan K Bính đ ch, xu t b n Hà N i năm 1909. (Đ ng Qu ng Hàm, sđd. tr. 398.)

30. T i Nam K , ti u thuy t đ u tiên xu t hi n năm 1887 là Truy n th y Lazaro Phi n c a P. J. B. Nguy n Tr ng Qu n do nhà xu t b n J. Linage n hành năm 1887 t i Sài Gòn, trong khi Hà N i, truyền T Tâm c a Song An Hoàng Ng c Phách đ c n hành năm 1925.